

Bản án số: 263/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 10/07/2023.

V/v tranh chấp: xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tuấn Anh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trần Thu Hồng**

2. Bà **Trần Thị Ngọc Hân**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Ngọc Thúy**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên Tòa:
Ông **Nguyễn Văn Quý** - Kiểm sát viên

Trong ngày 10 tháng 07 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 193/2023/TLST-HNGĐ ngày 15/5/2023 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2023/QĐST- HNGĐ ngày 22/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **TÔ THỊ MỘNG TH** – sinh năm 1986;

Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện G, Tiền Giang.

Tạm trú: ấp T, xã T, huyện G, Tiền Giang

2. Bị đơn: Anh **TRẦN MINH S** – sinh năm 1986;

Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện G, Tiền Giang.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn của nguyên đơn chị Tô Thị Mộng Th trình bày: Chị và anh Trần Minh S cưới nhau vào năm 2006, có sự tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L. Sau khi cưới chị và anh S sống hạnh phúc đến tháng 11/2021 thì phát sinh mâu thuẫn do anh S không chăm lo làm ăn mà ham chơi cờ bạc dẫn đến thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Đời sống chung kéo dài đến tháng 4/2023 thì sống ly thân cho đến nay. Nay chị Th yêu cầu xin ly hôn với anh S.

- Về con chung: Có 02 con tên Trần Thị Thùy T – sinh ngày 27/4/2007 và Trần Minh Tr – sinh ngày 06/10/2013, hiện hai cháu T và Tr đang sống với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu T và Tr, yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 đồng/cháu.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

* Tại văn bản lời khai của bị đơn anh Trần Minh S trình bày: Anh và chị Tô Thị Mộng Th cưới nhau vào năm 2006, có sự tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L. Sau khi cưới anh và chị Th sống hạnh phúc đến tháng 11/2021 thì phát sinh mâu thuẫn do anh có chơi cờ bạc nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Anh và chị Th sống ly thân từ tháng 4/2023 cho đến nay. Nay chị Th yêu cầu ly hôn, anh S không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con tên Trần Thị Thùy T – sinh ngày 27/4/2007 và Trần Minh Tr – sinh ngày 06/10/2013, hiện hai cháu T và Tr đang sống với chị Th. Nếu ly hôn anh yêu cầu được nuôi dưỡng hai cháu T và Tr, không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn chị Tô Thị Mộng Th vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Trần Minh S; về con chung: yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu T và Tr, yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật; về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết; về nợ chung: không có.

Bị đơn anh Trần Minh S không đồng ý ly hôn với chị Th; về con chung: nếu ly hôn anh đồng ý để chị Th được tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu T và Tr, anh cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật; về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết; về nợ chung: không có.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Tô Thị Mộng Th; về con chung: giao cho chị Th được tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu Trần Thị Thùy T – sinh ngày 27/4/2007 và Trần Minh Tr – sinh ngày 06/10/2013, anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi dưỡng hai cháu T và Tr theo quy định của pháp luật; về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; về nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời bày của nguyên đơn, bị đơn và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xác định quan hệ đang tranh chấp là “xin ly hôn”.

[1] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Tô Thị Mộng Th là có cơ sở. Vì chị Tô Thị Mộng Th và anh Trần Minh S cưới nhau vào năm 2006, được sự tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L số 50 ngày 11/06/2007. Sau khi cưới chị Th và anh S sống hạnh phúc đến tháng 11/2021 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, và chị Th và anh S sống ly thân từ tháng 4/2023 cho đến nay, mà giữa chị Th, anh S vẫn không hàn gắn được tình cảm. Cho thấy mâu thuẫn giữa chị Th và anh S đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Tại phiên Tòa chị Th và anh S thống nhất nếu ly hôn để chị Th được tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu Trần Thị Thùy T – sinh ngày 27/4/2007 và Trần Minh Tr – sinh ngày 06/10/2013. Xét sự thỏa thuận của chị Th và anh S là tự nguyện phù hợp với nguyện vọng của hai cháu T và Tr và cũng phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, nên ghi nhận.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Th và anh S thống nhất mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Xét sự thỏa thuận của chị Th và anh S là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, nên ghi nhận, mức cấp dưỡng mỗi tháng không quá $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định là 900.000 đồng. Do đó, anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu hai cháu T và Tr là 1.800.000 đồng/tháng là phù hợp với Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Chị Th và anh S không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, nếu sau này chị Th và anh S có tranh chấp thì giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Về án phí: Do chị Th là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị Th phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên anh S phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lý trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 175, 177, 235 Bộ luật tố tụng dân sự
- Áp dụng vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình;
- Áp dụng điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Tô Thị Mộng Th.

Chị Tô Thị Mộng Th được ly hôn với anh Trần Minh S.

Về con chung: giao cho chị Tô Thị Mộng Th được tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu Trần Thị Thùy T – sinh ngày 27/4/2007 và Trần Minh Tr – sinh ngày 06/10/2013 cho đến khi hai cháu T và Tr đủ 18 tuổi, lao động được. Anh Trần Minh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai cháu T và Tr mỗi tháng là **1.800.000** đồng (mỗi cháu là **900.000** đồng/tháng), bắt đầu thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi hai cháu T và Tr đủ 18 tuổi, lao động được. Anh Trần Minh S được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

Về án phí: chị Tô Thị Mộng Th phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị Th đã nộp theo biên lai thu số 0027120 ngày 15/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây, do vậy chị Th đã nộp xong án phí.

Anh Trần Minh S phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Báo các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- THADS huyện Gò Công Tây;
- UBND xã L
- Các đương sự.

Nguyễn Văn Tuấn Anh